

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC

KHU VỰC NÔNG THÔN

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 12 NĂM 2011 SO VỚI			Năm 2011 so với năm 2010
	Kỳ gốc năm 2009	Tháng 12 năm 2010	Tháng 11 năm 2011	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	137,72	118,26	100,52	118,72
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	149,89	124,85	100,65	126,65
1- Lương thực	150,58	119,26	101,41	123,15
2- Thực phẩm	151,60	127,80	100,44	129,39
3- Ăn uống ngoài gia đình	141,95	121,30	100,51	120,28
II, Đồ uống và thuốc lá	126,11	110,64	100,52	111,52
III, May mặc, mũ nón, giày dép	126,70	112,86	100,98	111,68
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	144,73	117,69	100,46	119,10
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	119,11	109,28	100,67	108,61
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	110,72	105,30	100,28	105,34
VII, Giao thông	135,73	118,57	100,20	115,46
VIII, Bưu chính viễn thông	88,91	97,92	99,94	95,88
IX, Giáo dục	155,33	122,27	100,07	125,31
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	113,35	108,02	100,49	106,50
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	131,01	112,38	100,69	111,22

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng